TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 346/2026/DS-ST Ngày 27-7-2026 V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trạng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Hoàng Bo

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Ngô Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 248/2026/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 431/2026/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Quốc tế B; địa chỉ trụ sở: Tòa nhà Tecco Town, số 4449 NCP, Phường TT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến Phương L – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của của ông L: Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã TB, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Ấp CL, xã TP, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bà Ngô Hồng Liêm, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Ấp CL, xã TP, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Nguyễn Thành T trình bày: Vào khoảng từ năm 2015 đến năm 2018, công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quốc tế B với Đại lý MP do ông Nguyễn Hữu P và

bà Ngô Hồng L có giao dịch mua bán thuốc thủy sản. Quá trình mua bán diễn ra nhiều lần. Ngày 18/12/2018, ông L Giám đốc có ký vào sổ mua hàng của Đại lý MP giảm cho Đại lý MP số tiền 11.886.000đ. Hai bên thống nhất số dư nợ còn lại là 127.184.000đ. Tại bảng đối chiếu công nợ từ ngày 01/7/2015 đến 31/12/2023 thì Đại lý MP còn nợ công ty số tiền 94.184.000đ. Nay công ty yêu cầu anh P và chị L liên đới trả số tiền 94.184.000đ, lãi tạm tính từ 01/7/2023 đến 25/4/2025 là 21.191.400đ, tổng cộng 115.375.400đ.

Ông Nguyễn Hữu P trình bày: Ông không thừa nhận có giao dịch mua bán công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quốc tế B nên không có nợ Công ty TNHH Quốc tế B số tiền 94.184.000đ. Ông không đồng ý cùng bà L liên đới trả số tiền 115.375.400đ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Quốc tế B. Buộc ông P, bà L liên đới trả cho Công ty TNHH Quốc tế B số tiền 115.375.400đ. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đối với bà Ngô Hồng L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng các đương sự vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Ngô Hồng L đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà L là phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần triệu tập bà L lấy lời khai liên quan đến yêu cầu khởi kiện và thu mẫu tiến hành giám định giọng nói tại các đoạn ghi âm phía nguyên đơn cung cấp nhưng bà L đều từ chối nhận văn bản và vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành thủ tục giám định giọng nói trong đoạn ghi âm được.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[2.1] Về yêu cầu trả số tiền nợ vốn 94.184.000đ xét thấy: Phía nguyên đơn cho rằng mặc dù ông P không thừa nhận có giao dịch mua bán thuốc thủy sản, chế phẩm sinh học với Công ty nhưng bà L đang sống chung với ông P (là vợ) có nhắn tin, điện thoại, Công ty có gửi bản đối chiếu công nợ nhưng bà L không có ý kiến phản đối, ngoài ra phía Công ty có ghi âm hai đoạn hội thoại giữa phía Công ty với bà L thì bà L thừa nhận có giao dịch và còn nợ Công ty. Ông P không thừa nhận có giao dịch mua bán với Công ty nên không có nợ số tiền 94.184.000đ. Xét thấy, mặc dù tại phiên Tòa ngày 27/7/2026 ông P không thừa nhận có giao dịch mua bán thuốc thủy sản, chế phẩm sinh học với Công ty nhưng tại phiên tòa ngày 15/9/2025 ông P lại thừa nhận có giao dịch mua bán và tại Bản án số 96/2026/DS-PT ngày

03/02/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xác định Công ty có giao dịch mua bán thuốc thủy sản, chế phẩm sinh học với ông P, bà L. Như vậy việc ông P xác định không có giao dịch mua bán với Công ty là không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong vụ án.

Về số tiền nợ 94.184.000đ: Theo văn bản số 5693/VNPT-PCTT-TL về việc phối hợp cung cấp thông tin thuê bao số điện thoại di động ngày 15/7/2026 của Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam xác định: Ông Nguyễn Hữu P là người đăng ký, sử dụng số thuê bao 0812335599 từ ngày 29/4/2009 đến ngày 28/3/2023 và sau đó bà Ngô Hồng L là người đăng ký, sử dụng cho đến nay. Phía công ty đã cung cấp nội dung tin nhắn, ghi âm cuộc hội thoại giữa đại diện Công ty với bà L thông qua số thuê bao 0812335599 đều có nội dung phía bị đơn còn nợ Công ty số tiền 94.184.000đ.

Đối với bà L đã được Tòa án triệu tập tham gia giải quyết vụ án nhưng bà đều vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đây được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong thời gian giao dịch mua bán, bà L và ông P đang sống chung và tồn tại mối quan hệ vợ chồng và theo ông P xác định tại phiên Tòa thu nhập chung cả vợ chồng đều phát sinh từ việc kinh doanh mua bán và thời điểm chung sống ông P có đăng ký hộ kinh doanh. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định khoản nợ 94.184.000đ là nợ chung của bà L, ông P.

[2.2] Về yêu cầu trả lãi số tiền 21.191.400đ, xét thấy: Theo khoản 3 Điều 440 của Bộ luật dân sự quy định "Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này. Và theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự (Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bô luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này". Theo điều luật viện dẫn trên, Phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi 21.191.400đ là phù hợp nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Quốc tế B, buộc ông P, bà L trả cho Công ty TNHH Quốc tế B số tiền 115.375.400đ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty không phải chịu, đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 2.884.000đ được nhận lại. Ông P và bà L phải chịu 115.375.400đ x 5% = 5.769.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 430, Điều 440 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự; khoản 2, khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quốc tế B. Buộc ông Nguyễn Hữu P và bà Ngô Hồng L liên đới trả cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quốc tế B số tiền 115.375.400đ (một trăm mười lăm triệu ba trăm bẩy mươi lăm ngàn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quốc tế B không phải chịu, đã nộp số tiền tạm ứng số tiền 2.884.000đ (hai triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai số 0001288 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chị cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại. Ông Nguyễn Hữu P và bà Ngô Hồng L phải chịu 5.769.000đ (năm triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn đồng)

Trường hợp quyết định/bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Các Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Quốc Trạng